

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP AN THUƠNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP AN THUƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN THUONG INDUSTRIAL CLUSTER INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN THUONG ICIC.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110833357

3. Ngày thành lập: 12/09/2024

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

239/1, tờ bản đồ số 07, thôn Lại Dụ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913582777

Fax:

Email: cumcnlaidu@gmail.com

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                             | 0128     |
| 2.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa | 1399     |
| 3.  | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>Chi tiết: Sản xuất trang phục, nguyên liệu sử dụng có thể là bất kỳ loại nào có thể được tráng, phủ hoặc cao su hoá;                                              | 1410     |
| 4.  | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                      | 1610     |
| 5.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                   | 1621     |
| 6.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                             | 1622     |
| 7.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                             | 1623     |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                            | 1629     |
| 9.  | In ấn<br>(Trừ các loại hình Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                           | 1811     |
| 10. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ dập khuôn tem)                                                                                                                                                                     | 1812     |
| 11. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh<br>Chi tiết: Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                         | 2013     |
| 12. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                      | 2022     |

|     |                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất dược liệu<br>(Trừ những loại Nhà nước cấm sản xuất)                                                                    | 2100 |
| 14. | Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                                                                                                                                | 2211 |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su<br>(Trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)                                                              | 2219 |
| 16. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                              | 2392 |
| 17. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                 | 2394 |
| 18. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                  | 2395 |
| 19. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                     | 2511 |
| 20. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                   | 2591 |
| 21. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                       | 2592 |
| 22. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp bếp gas, thiết bị nhà bếp                                                               | 2599 |
| 23. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                | 2731 |
| 24. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                             | 2732 |
| 25. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                            | 2733 |
| 26. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                  | 2740 |
| 27. | Sản xuất đồ điện dân dụng<br>Chi tiết: Sản xuất bếp gas                                                                                                                            | 2750 |
| 28. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất bóng điện, điện chiếu sáng<br>- Sản xuất dây điện tử, cáp điện<br>- Sản xuất cụm chế đánh lửa                               | 2790 |
| 29. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                      | 3100 |
| 30. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công bếp gas, phụ kiện bếp gas, các thiết bị sử dụng gas (không sản xuất, chiết nạp các loại dầu mỡ, khí hóa lỏng) | 3290 |
| 31. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                             | 3311 |
| 32. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                         | 3312 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                             | 3313 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                             | 3314 |
| 35. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                          | 3315 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                             | 3319 |
| 37. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                            | 3320 |
| 38. | Xây dựng nhà ở                                                                                                                                                                     | 4101 |

|     |                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                              | 4102 |
| 40. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                        | 4211 |
| 41. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                         | 4212 |
| 42. | Xây dựng công trình điện                                                                                                             | 4221 |
| 43. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                  | 4222 |
| 44. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                   | 4223 |
| 45. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                    | 4229 |
| 46. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                             | 4291 |
| 47. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                      | 4292 |
| 48. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                | 4293 |
| 49. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                           | 4299 |
| 50. | Phá dỡ<br>(không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)                                                                              | 4311 |
| 51. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)                                                                   | 4312 |
| 52. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                | 4321 |
| 53. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                | 4322 |
| 54. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                       | 4329 |
| 55. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                       | 4330 |
| 56. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                  | 4390 |
| 57. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa;<br>(Trừ hoạt động đấu giá) | 4610 |
| 58. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                               | 4620 |
| 59. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                       | 4631 |
| 60. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                   | 4632 |
| 61. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                     | 4633 |
| 62. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác           | 4641 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 63. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.</li> <li>- Bán buôn bếp gas, bếp hồng ngoại, van điều áp, cụm chế đánh lửa</li> <li>- Bán buôn dây cáp điện</li> <li>- Bán buôn dược liệu</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao</li> <li>- Bán buôn văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, đồ chơi trẻ em, sách, truyện, sách giáo khoa, tạp chí, bưu thiếp và các ấn phẩm khác</li> </ul> <p>(Trừ các loại hóa chất Nhà nước cấm kinh doanh và đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)</p> | 4649 |
| 64. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652 |
| 65. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4653 |
| 66. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4659 |
| 67. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn sơn và véc ni;</li> <li>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh</li> <li>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</li> <li>- Bán buôn sơn (sơn dầu, sơn công nghiệp, sơn hàng hải, sơn nước)</li> <li>- Bán buôn sơn chống thấm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663 |
| 68. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn giấy, mực in, vật tư ngành in</li> <li>- Bán buôn thiết bị, vật tư ngành điện</li> <li>- Bán buôn dược liệu</li> <li>- Bán buôn bếp gas, phụ kiện ngành gas</li> <li>- Bán buôn thiết bị phục vụ ngành giáo dục</li> </ul> <p>(Trừ những loại Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669 |
| 69. | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>(Trừ các hàng hóa Nhà nước cấm kinh doanh)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 70. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4711 |
| 71. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4719 |
| 72. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4721 |
| 73. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4722 |
| 74. | <p>Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4723 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 75. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4752        |
| 76. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4753        |
| 77. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ bếp gas, bếp hồng ngoại, van điều áp, cụm chế đánh lửa;<br>- Bán lẻ cáp điện                                                                | 4759        |
| 78. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dược liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4772        |
| 79. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ bếp gas, phụ kiện ngành gas<br>- Bán lẻ máy móc thiết bị phục vụ ngành giáo dục<br>(Trừ bán lẻ súng đạn, tem, tiền kim khí, kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4773        |
| 80. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4791        |
| 81. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4799        |
| 82. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc;<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;<br>- Khảo sát xây dựng;<br>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;<br>- Kiểm định xây dựng;<br>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.<br>(Chỉ kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                           | 7110(Chính) |

|      |                                                                                                                                                                                 |      |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 83.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 84.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất;                                                                                                  | 7410 |
| 85.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                  | 7730 |
| 86.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                           | 8121 |
| 87.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                               | 8129 |
| 88.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                           | 8130 |
| 89.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: - Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện                                                                     | 8230 |
| 90.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                | 8292 |
| 91.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đấu giá)                | 8299 |
| 92.  | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                             | 9522 |
| 93.  | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                           | 9524 |
| 94.  | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu                                                                                               | 9529 |
| 95.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                      | 4763 |
| 96.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                   | 7721 |
| 97.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                        | 4761 |
| 98.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4742 |
| 99.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ thiết bị, phần mềm ngay trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị) | 4741 |
| 100. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>(Trừ thiết bị, phần mềm ngay trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)                                                    | 4651 |

**6. Vốn điều lệ:** 165.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 16.500

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHẠM THỊ LÝ        | Số nhà 10, ngõ<br>72/2, đường Tây<br>Mỗ, tổ dân phố<br>Phượng, Phường<br>Tây Mỗ, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        | 0341750123<br>01                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500           | 5.000.000                | 3,030        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Tổng số                            | 500           | 5.000.000                | 3,030        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN PHÚ<br>LONG | Số nhà 12 ngõ<br>27/9/50, tổ dân<br>phố Phú Thứ,<br>Phường Tây Mỗ,<br>Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500           | 5.000.000                | 3,030        | 0010760094<br>46                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        | Tổng số                            | 500           | 5.000.000                | 3,030        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                                                                            |                                    |     |           |       |                  |
|---|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----|-----------|-------|------------------|
| 3 | TÔ VĨNH<br>KIẾN    | Số 12 ngõ 2<br>Hoàng Đạo<br>Thành, Phường<br>Kim Giang, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0   | 0         | 0,000 | 0010450063<br>71 |
|   |                    |                                                                                                                                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500 | 5.000.000 | 3,030 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Tổng số                            | 500 | 5.000.000 | 3,030 |                  |
| 4 | ĐOÀN XUÂN<br>LƯỢNG | Số nhà 12, ngõ<br>143 đường La<br>Nội, tổ dân phố<br>Hoàng Văn Thụ,<br>Phường Dương<br>Nội, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 0300750018<br>18 |
|   |                    |                                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Tổng số                            | 500 | 5.000.000 | 3,030 |                  |
| 5 | NGUYỄN<br>VĂN QUÂN | Xóm 5, thôn<br>Đông Lao, Xã<br>Đông La, Huyện<br>Hoài Đức, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                                                | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 0010800024<br>34 |
|   |                    |                                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                                                            | Tổng số                            | 500 | 5.000.000 | 3,030 |                  |

|   |                 |                                                                                                                                          |                           |     |           |       |              |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------|--------------|
| 6 | NGUYỄN THẾ DŨNG | Số nhà 176 phố Hoa Bằng, tổ 11, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 024081000042 |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          |                           |     |           |       |              |
| 7 | PHẠM KIM TUYẾT  | Phòng 3406, Tòa nhà V3-CT9 Dự án The Văn Phú Victoria, KĐT Văn Phú, phố Văn Khê, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 036185000022 |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          |                           |     |           |       |              |
| 8 | KIỀU NGỌC HƯNG  | Số 12 Hẻm 6/12/5 Phố Đội Nhân, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 | 035065001282 |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,040 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,040 |              |
|   |                 |                                                                                                                                          |                           |     |           |       |              |

|    |                    |                                                                           |                           |     |           |       |              |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------|--------------|
| 9  | NGUYỄN VĂN HỀ      | Khu Nhà Ở Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 034078006695 |
|    |                    |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 10 | PHẠM VĂN THỨ       | Thôn Lại Dụ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 001072040333 |
|    |                    |                                                                           | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                    |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 11 | NGUYỄN QUANG TRỊNH | Thôn Minh Khai, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 001073069852 |
|    |                    |                                                                           | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                    |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                    |                                                                           | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |

|    |                  |                                                                                                  |                           |     |           |       |              |
|----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------|--------------|
| 12 | NGUYỄN ANH LIÊM  | Số 6 ngõ 315 đường Nguyễn Khang, Tổ 6, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 001072007074 |
|    |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 13 | PHẠM VĂN LINH    | Thôn Lại Dụ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 | 001069042051 |
|    |                  |                                                                                                  | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 14 | BÙI THỊ KIM NGÂN | Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 001188014781 |
|    |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                  | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |

|    |                 |                                                                                                                           |                           |     |           |       |              |
|----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------|--------------|
| 15 | NGÔ VĂN THUẦN   | Thôn Quyết Tiến, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                    | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 001072004285 |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 16 | LÊ HUY THỨC     | Căn hộ chung cư số 3518 nhà R4, số 72A đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 037075000547 |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 17 | HOÀNG DANH NHÂN | P6 TT Lâm Sơn 64 Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 | 033075000533 |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                           | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |

|    |                  |                                                                                                         |                           |     |           |       |              |
|----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------|--------------|
| 18 | VŨ TẤT MẠNH      | Thôn Lại Dụ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 001076061864 |
|    |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 19 | PHẠM VĂN SƠ      | P203-D8B TT CT Giồng CT TW, phố Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 036076000888 |
|    |                  |                                                                                                         | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 20 | NGUYỄN ĐÌNH DANH | Thôn Khau Chủ, Xã Thanh Vân, Huyện Chợ Mới, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 006083002787 |
|    |                  |                                                                                                         | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                         | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |

|    |                         |                                                                                          |                                    |     |           |       |                  |
|----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----|-----------|-------|------------------|
| 21 | NGUYỄN THỊ<br>LÝ QUỲNH  | Thôn An Hạ, Xã<br>An Thượng,<br>Huyện Hoài Đức,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0   | 0         | 0,000 | 0011800268<br>60 |
|    |                         |                                                                                          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500 | 5.000.000 | 3,030 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Tổng số                            | 500 | 5.000.000 | 3,030 |                  |
| 22 | NGUYỄN THỊ<br>THÚY HẰNG | Ô Số 45-Lô Lk16,<br>Phường La Khê,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 0301900214<br>26 |
|    |                         |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Tổng số                            | 500 | 5.000.000 | 3,030 |                  |
| 23 | PHẠM NGỌC<br>KHOA       | Thôn Đào<br>Nguyên, Xã An<br>Thượng, Huyện<br>Hoài Đức, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0   | 0         | 0,000 | 0340600104<br>63 |
|    |                         |                                                                                          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500 | 5.000.000 | 3,030 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0   | 0         | 0,000 |                  |
|    |                         |                                                                                          | Tổng số                            | 500 | 5.000.000 | 3,030 |                  |

|    |                |                                                                                                         |                           |     |           |       |              |
|----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------|--------------|
| 24 | PHẠM VĂN TÍCH  | Thôn Lại Dụ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 001081012676 |
|    |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                |                                                                                                         |                           |     |           |       |              |
| 25 | PHAN ĐÀM THI   | Tt Viện KHLN, tổ dân phố số 7, đường 69, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 001071016195 |
|    |                |                                                                                                         | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                |                                                                                                         |                           |     |           |       |              |
| 26 | NGUYỄN VĂN QUÝ | Thôn Tiên Phong, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 001074032565 |
|    |                |                                                                                                         | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                                                         | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                |                                                                                                         |                           |     |           |       |              |

|    |                 |                                                                                                                 |                           |     |           |       |              |
|----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------|--------------|
| 27 | HOÀNG PHÚ TRINH | Thôn An Hạ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 001071047062 |
|    |                 |                                                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 28 | TẠ DUY SON      | Xóm 3, thôn Đồng Nhân, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 001064041497 |
|    |                 |                                                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 29 | PHAN ĐĂNG HÂN   | Phòng 216 tầng 2 cầu thang 2 nhà C4 TT, phố Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 036079000239 |
|    |                 |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                                 | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |

|    |                 |                                                                                                          |                           |     |           |       |              |
|----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------|--------------|
| 30 | HOÀNG VĂN KÝ    | Thôn An Hạ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                     | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 | 001073013545 |
|    |                 |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 31 | PHẠM VIỆT TỐ    | Thôn Lại Dụ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 001055003248 |
|    |                 |                                                                                                          | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
| 32 | NGUYỄN THẾ HÙNG | Số nhà 1 ngách 15/2 ngõ 15 đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 001084001009 |
|    |                 |                                                                                                          | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                                          | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |

|    |                |                                                                       |                           |     |           |       |              |
|----|----------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------|--------------|
| 33 | PHẠM VĂN THINH | Thôn Lại Dụ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0         | 0,000 | 001066012831 |
|    |                |                                                                       | Cổ phần phổ thông         | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |
|    |                |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0         | 0,000 |              |
|    |                |                                                                       | Tổng số                   | 500 | 5.000.000 | 3,030 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: KIỀU NGỌC HƯNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/02/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035065001282

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 12 Hẻm 6/12/5 Phố Đội Nhân, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 12 Hẻm 6/12/5 Phố Đội Nhân, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội